

Số: /2020/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn  
tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC  
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp. Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 – 2025 như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy định này quy định nguyên tắc, nội dung chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Những nội dung hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa không quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước.

## **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các Doanh nghiệp được thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

## **3. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực.

b) Trong cùng một thời gian, nếu DNNVV được hưởng các mức hỗ trợ khác nhau về cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất;

c) Trường hợp nhiều DNNVV cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ thì ưu tiên lựa chọn DNNVV do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn; DNNVV nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trước thì hỗ trợ trước.

d) Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của các tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật.

## **4. Các chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa**

a) Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến (có tiềm năng tham gia hoặc đã tham gia trong chuỗi giá trị; tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành; có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị) được lựa chọn tham gia Chương trình theo một trong các phương thức quy định tại Điều 23 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ, gồm: (1) Có hợp đồng hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp dẫn dắt trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hoặc (2) Có hợp đồng mua chung nguyên vật liệu đầu vào; hoặc (3) Có hợp đồng bán chung sản phẩm; hoặc (4) Cùng xây dựng và sử dụng thương hiệu vùng. Được ngân sách tỉnh hỗ trợ như sau:

(1) Hỗ trợ về đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 30 triệu

đồng trên 01 khóa đào tạo cho một doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo/năm.

(2) Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong chuỗi giá trị. Kinh phí hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp (mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần/năm);

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa. Kinh phí hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp (mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần/năm).

(3) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường

- Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước. Kinh phí hỗ trợ gian hàng không quá 10 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh. Kinh phí hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành. Kinh phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

(4) Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

- Miễn phí cung cấp thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Kinh phí hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm;

- Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường nhưng không quá 15 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

(5) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

- Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Kinh phí hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/lần/năm;

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng các phòng thử nghiệm về chất lượng hàng của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Kinh phí hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm;

- Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan nhà nước quản lý nhưng không quá 10 triệu đồng/lần/doanh nghiệp (mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần/năm);

- Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/lần/doanh nghiệp/năm.

#### b) Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới

Các DNNVV thành lập mới được hỗ trợ tối đa không quá 1,25 triệu đồng/doanh nghiệp, gồm các nội dung hỗ trợ cụ thể sau:

- Hỗ trợ phí Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Mức phí hỗ trợ là 100.000 đồng/doanh nghiệp (theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính); Lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu: 50.000 đồng/01 doanh nghiệp;

- Hỗ trợ kinh phí đăng ký và duy trì 01 một chữ ký số cho doanh nghiệp thành lập mới trong 01 năm đầu hoạt động nhưng không quá 500.000 ngàn đồng/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ kinh phí làm 01 (một) con dấu pháp nhân cho doanh nghiệp thành lập mới nhưng không quá 600.000 đồng/doanh nghiệp (*hỗ trợ bao gồm cả các Doanh nghiệp nhỏ và vừa được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có thời gian hoạt động trên 12 tháng trở lên*).

c) Hỗ trợ chênh lệch lãi suất đối với các DNNVV vay vốn đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành, có tiềm năng, lợi thế tham gia chuỗi giá trị được ngân sách tỉnh hỗ trợ chênh lệch lãi suất sau khi dự án hoàn thành (được nghiệm thu và đi vào hoạt động).

- Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ, nhưng tối đa không quá 1 tỷ đồng/dự án trong toàn thời gian hỗ trợ.

- Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất: Tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại và tối đa không quá 05 năm.

## **5. Nguồn vốn thực hiện**

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh quy định tại nghị quyết này trong giai đoạn 2021-2025 được bố trí hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Vĩnh Phúc khoá XVI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày ..... tháng .... năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH ( )H (100).

**CHỦ TỊCH**

.....